

Số: /KH-UBND

Quỹ Nhất, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Quỹ Nhất năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình về chuyển đổi số năm 2026. UBND xã Quỹ Nhất xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã năm 2026 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thống nhất phương châm hành động năm 2026: “*Hành động đột phá, lan tỏa kết quả*”, làm định hướng xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; bảo đảm chuyển đổi số đóng góp thiết thực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số thông qua nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tạo chuyển biến rõ rệt về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong hệ thống chính trị và trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tập trung vào các khâu tác động trực tiếp đến năng suất, chi phí, thời gian, chất lượng dịch vụ và khả năng mở rộng thị trường.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm khi chậm trễ; kiên quyết phòng, chống lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ khâu phê duyệt chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Tập trung phát triển ba trụ cột: Chính quyền số - Kinh tế số - Xã hội số, gắn với định hướng của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; thể chế, chính sách số

- Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh giao được cụ thể hóa thành kế hoạch, văn bản triển khai đúng thời hạn quy định: Đạt 100%.

- Tỷ lệ nhiệm vụ UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử: Đạt 100%.

2.2. Về phát triển hạ tầng số

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên dân số: Đạt tối thiểu 70%
- Tỷ lệ người dân có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ từ 1 Gb/s trở lên: Đạt tối thiểu 70%
- Tỷ lệ đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức được cấp và sử dụng thường xuyên, miễn phí chữ ký số chuyên dùng công vụ: Đạt 100%.

2.3. Về phát triển nguồn lực số

- Tỷ lệ cán bộ, công chức của xã được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản: Đạt 100% .
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý điều hành: Đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản: Đạt tối thiểu 30%.
- Tỷ lệ thành viên các Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về kỹ năng sử dụng các dịch vụ số: Đạt 100%.
- Trang thông tin điện tử của xã có chuyên mục và duy trì cập nhật thường xuyên tin, bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06/CP: Đạt 100%.

2.4. Về phát triển dữ liệu số

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa: Đạt tối thiểu 95%.
- Góp phần số hóa và liên thông cơ sở dữ liệu: phối hợp cập nhật đầy đủ, chính xác vào các hệ thống thông tin của tỉnh, trung ương; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của cấp trên.
- Sử dụng thống nhất các phần mềm do tỉnh triển khai có kết nối LGSP; thực hiện nhập liệu đúng chuẩn để đảm bảo khả năng liên thông.

- Đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

2.5. Về phát triển Chính quyền số

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh: Đạt 100%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh được thực hiện trực tuyến: Đạt 100%.
- Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”: Đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện: Đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 90%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử: Đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước: Đạt 100%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính được giao quy định hoặc quy định chi tiết trong văn bản quy phạm pháp luật của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh: Đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp: Đạt tối thiểu 60%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt 83%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công: Đạt 95%.
- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử: Đạt tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử: Đạt 100%.
- 100% báo cáo của xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.
- Đảng uỷ, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất theo hướng dẫn của tỉnh.

2.6. Về phát triển kinh tế số

- Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số: Đạt tối thiểu 40%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác: Đạt 90%.

2.7. Về phát triển xã hội số

- Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2: Đạt tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân: Đạt tối thiểu 30%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử: Đạt tối thiểu 40%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông: Đạt tối thiểu 82%.

2.8. Về an toàn thông tin mạng

- Tỷ lệ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của xã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành: Đạt 100%.
- Tỷ lệ máy tính tại UBND xã được cài đặt phần mềm phòng chống vi rút, mã độc: **Đạt 100%**.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo xã và tinh thần trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Xây dựng chương trình công tác, kế hoạch chi tiết với các mốc thời gian, kết quả đầu ra định lượng và gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức.
- Phối hợp kết nối dữ liệu xã với hệ thống điều hành tỉnh (IOC) để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực.
- Tổ chức tự đánh giá theo Bộ Chỉ số chuyển đổi số (DTI) do tỉnh ban hành định kỳ hàng quý nhằm thúc đẩy phong trào thi đua và kịp thời tháo gỡ khó khăn tại cơ sở.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đột xuất và định kỳ để chấn chỉnh kỷ cương, nâng cao hiệu quả thực thi các kế hoạch chuyển đổi số tại địa phương.

2. Thể chế, chính sách số

- Rà soát, đề nghị sửa đổi và bổ sung các quy định pháp lý nhằm tháo gỡ rào cản về thủ tục trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Triển khai Quy chế quản trị, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh.
- Rà soát nhu cầu đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ thủ tục, mặt bằng, phối hợp doanh nghiệp triển khai. Phối hợp triển khai các mô hình xã hội hóa trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Thực hiện Khung kiến trúc số tỉnh Ninh Bình đảm bảo kết nối, liên thông dữ liệu theo kiến trúc chung.
- Thực hiện quy chế vận hành các hệ thống thông tin dùng chung để đảm bảo tính đồng bộ và an toàn thông tin.

3. Phát triển Hạ tầng số hiện đại và dữ liệu số

- Phối hợp với đơn vị viễn thông đảm bảo kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) ổn định.
- Sử dụng hạ tầng dữ liệu và nền tảng số của tỉnh đảm bảo dữ liệu phục vụ điều hành của cấp trên.
- Khai thác, cập nhật Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh: cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC.
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu: thực hiện nhập liệu đúng chuẩn đảm bảo kết nối với nền tảng LGSP của tỉnh, phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ngành.
- Phối hợp các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng băng thông rộng, phủ sóng mạng 5G tới các khu công nghiệp, khu du lịch trọng điểm và đẩy nhanh lộ trình phổ cập mạng cáp quang đến từng hộ gia đình.
- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, từng bước triển khai Camera an ninh tại khu dân cư. Phối hợp cung cấp dữ liệu an ninh trật tự, môi trường... phục vụ Trung tâm Điều hành thông minh (IOC).
- Phối hợp cập nhật dữ liệu của địa phương để triển khai nền tảng bản đồ số (GIS) dùng chung, tích hợp dữ liệu không gian từ các ngành tài nguyên môi trường, quy hoạch, du lịch để phục vụ quản lý và phát triển kinh tế.
- Thực hiện số hóa hồ sơ TTHC, hồ sơ lưu trữ còn hiệu lực nhằm góp phần xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm, chú trọng công tác làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống".
- Mở rộng hạ tầng WiFi công cộng tại các khu vực đông dân cư, bệnh viện, trường học và các địa danh du lịch lịch sử, làng nghề truyền thống.
- Tham gia và khai thác ứng dụng công nghệ AI, Big Data, Blockchain vào quy trình quản trị dữ liệu lớn để nâng cao năng lực phân tích, dự báo xu hướng phục vụ điều hành của chính quyền.
- Đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ phận Một cửa xã và hệ thống truyền thanh thông minh ứng dụng CNTT - viễn thông xã.
- Hỗ trợ phổ cập chữ ký số công cộng cho người dân và triển khai chứng thực định danh điện tử dựa trên ứng dụng VNeID trong mọi dịch vụ thiết yếu.

4. Nhân lực số

- Rà soát, đánh giá năng lực số của cán bộ, công chức xã, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số "thực chiến" cho lãnh đạo và cán bộ chuyên trách về quản trị dữ liệu, an toàn thông tin; tham gia các lớp đào tạo do tỉnh tổ chức.
- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, tập trung hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho người dân, nông dân và các nhóm yếu thế tại cộng đồng. Duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Hiện đại hóa hạ tầng giáo dục, tăng cường đào tạo kỹ năng số và văn hóa an toàn mạng trong chương trình giáo dục phổ thông các cấp. Các trường học tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học, sử dụng học liệu số, khuyến khích học sinh tiếp cận tư duy công nghệ, tổ chức các hoạt động ngoại khóa về kỹ năng số cho học sinh...

- Phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) và người lao động trong các khu công nghiệp tiếp cận các khóa huấn luyện kỹ năng vận hành công nghệ 4.0.

5. An toàn thông tin mạng

- Phối hợp vận hành Trung tâm Giám sát an toàn thông tin (SOC) tỉnh, sử dụng các hệ thống CNTT do tỉnh triển khai đảm bảo kết nối, hoạt động liên tục.

- Thực hiện đề nghị phê duyệt và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của xã.

- Tham gia diễn tập thực chiến ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho lực lượng chuyên trách tại các cơ quan, đơn vị.

- Đảm bảo nguồn kinh phí dành riêng cho công tác an toàn thông tin đạt tối thiểu 10% tổng ngân sách triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Trang bị giải pháp phòng chống mã độc cho 100% máy tính thuộc xã, không sử dụng phần mềm không rõ nguồn gốc.

6. Chính quyền số

- Rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, xác định thủ tục đủ điều kiện thực hiện toàn trình đề nghị tỉnh bổ sung nhằm cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục đủ điều kiện trên môi trường điện tử.

- Xây dựng môi trường làm việc số cho cán bộ, công chức, hướng tới xử lý hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường mạng.

- Áp dụng nguyên tắc "AI First" trong việc ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức xử lý văn bản và hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan khối đảng, đoàn thể và tích hợp dữ liệu vào kho dữ liệu chung của tỉnh.

7. Kinh tế số

- Phối hợp triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp SME thực hiện chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất, marketing và thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục, các khu du lịch và các giao dịch hành chính công.

- Phối hợp cập nhật, thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế dựa trên dữ liệu, hình thành thị trường dữ liệu số địa phương trong lĩnh vực du lịch và quy hoạch.

8. Xã hội số

- Tuyên truyền, phổ cập tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 và chữ ký số cá nhân để người dân thực hiện các giao dịch trên môi trường số.

- Phối hợp triển khai, tuyên truyền sử dụng ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, hồ sơ y tế số và các nền tảng dạy học trực tuyến để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục cho nhân dân.

- Phối hợp số hóa, cung cấp dữ liệu, khai thác sử dụng kết quả số hóa các di tích lịch sử và thư viện phục vụ nhu cầu văn hóa của cộng đồng.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về chuyển đổi số, Đề án 06 trên Trang thông tin điện tử, Đài truyền thanh và nền tảng mạng xã hội.

- Tổ chức các hội nghị chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình, điển hình thành công về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

10. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí ngân sách địa phương dành cho chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách địa phương năm 2026.

11. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu

Ưu tiên hình thức mua sắm thiết bị sang thuê dịch vụ CNTT trọn gói để tối ưu hóa ngân sách và đảm bảo công nghệ luôn được cập nhật.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Danh mục chi tiết dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số triển khai năm 2026 tại chi tiết tại các Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.
- Nguồn lực xã hội hóa, các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã

- Trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra toàn diện việc triển khai các nội dung của Kế hoạch đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất trên địa bàn toàn xã.

- Điều phối công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm.

- Tham mưu UBND xã đề xuất cấp trên ban hành cơ chế, chính sách; huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai hạ tầng số, dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn.

- Định kỳ họp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND xã theo quy định

2. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch đảm bảo hiệu quả và khả thi; báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn xã.

- Thực hiện vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị thực hiện các chỉ tiêu đề ra. Tổng hợp tình hình, kết quả triển khai định kỳ để báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND xã theo quy định.

- Chủ trì tham mưu điều chỉnh nội dung Kế hoạch phù hợp với thực tiễn và lộ trình triển khai của tỉnh trong năm 2026.

- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng internet, wifi công cộng; đề xuất nâng cấp thiết bị CNTT tại UBND xã, Bộ phận Một cửa; theo dõi việc sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Hướng dẫn đề xuất sáng kiến, giải pháp chuyển đổi số ưu tiên các giải pháp ứng dụng công nghệ số thiết thực, báo cáo UBND xã, tỉnh.

- Chủ trì triển khai các giải pháp gắn kết chặt chẽ giữa Chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026

3. Trung tâm Phục vụ Hành chính công

- Chủ trì triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công.

- Vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn, hiệu quả.

4. Phòng Kinh tế

- Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định.

- Hướng dẫn, theo dõi việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với các bộ phận liên quan tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

5. Công an xã

- Chủ trì đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu tại Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật; phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền các sự cố, nguy cơ mất an toàn thông tin trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã Quý Nhất. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, căn cứ tình hình thực tiễn, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa – Xã hội) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở KHCN;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Lưu : VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chiến